

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2223/2023/DS-ST

Ngày: 04/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Đinh Thị Diễm Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 774/2022/TLST-DS ngày 12/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2058/2023/QĐXXST-DS ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3053/2023/QĐST-DS ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C

Trụ sở: số 7/57/16 đường số x, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Trang N, sinh năm: 1997

Địa chỉ: số 22 đường số y, KDC A, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T

Địa chỉ: nhà số 97C/22 đường B, tổ x, khu phố y, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Trang N trình bày:

Vào ngày 09/3/2022, Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C (sau đây viết tắt là Công ty C) và ông Nguyễn Ngọc T ký kết hợp đồng thi công xây dựng nhà ở số 03/HĐTC-2022 để xây dựng công trình nhà ở gia đình có cấu tạo riêng lẻ, kiên cố, kết cấu bê tông cốt thép. Hai bên thỏa thuận Công ty C sẽ thi công phần thô và nhân công hoàn thiện (không bao gồm vật tư hoàn thiện và nội thất), địa chỉ thi công tại hẻm 97C đường B, phường P, thành phố Thủ Đức. Tổng cộng giá trị của hợp đồng giữa hai bên thỏa thuận là 792.000.000 đồng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận tại Mục 3.5 Điều 3 của Hợp đồng số 03/HĐTC-2022, theo đó ông T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C thành 9 đợt tương ứng với khối lượng công việc Công ty C thi công. Thực hiện hợp đồng trên, phía Công ty C đã hoàn thành khối lượng công việc, thi công đúng theo quy định của hợp đồng, tuy nhiên phía ông Nguyễn Ngọc T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến nay, ông T chỉ mới thanh toán cho Công ty C đợt 07 đợt, với tổng số tiền đã thanh toán là 673.200.000 đồng; ông T còn nợ lại Công ty các khoản sau: tiền của đợt 8 là 63.360.000 đồng và đợt 9 là 39.600.000 đồng, tiền phát sinh thêm 19.200.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Ngọc T còn nợ Công ty C là 122.160.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng số 03/HĐTC-2022 “*Nếu công trình đã đưa vào sử dụng quá 07 ngày mà bên A chưa ký Biên bản nghiệm thu thì coi như công trình đã nghiệm thu toàn bộ và hợp đồng đã được thanh lý. Bên B thực hiện điều khoản bảo hành 01 năm*”.

Ông Nguyễn Ngọc T đã nhận nhà và đưa vào sử dụng từ ngày 10/7/2022 cho đến nay nhưng vẫn cố tình không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty C. Công ty C đã nhiều lần liên hệ với ông T đề nghị thanh toán nhưng không có kết quả. Nay Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải thanh toán cho Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C số tiền 122.160.000 đồng. Công ty không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập ông Nguyễn Ngọc T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 664.855.000 đồng nên số tiền còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 111.305.000 đồng, nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả chi phí phát sinh thêm

19.200.000 đồng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền nợ 111.305.000 đồng. Đối với chi phí phát sinh thêm 19.200.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”, được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 08/6/2023 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn

phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở số 03/HĐTC-2022 ký ngày 09/3/2022, có nội dung bị đơn đặt khoán cho nguyên đơn những công việc thi công phần thô công trình nhà ở gia đình có cấu tạo riêng lẻ, kiên cố, kết cấu bê tông cốt thép, địa điểm thi công là đường Bung Ông Thoàn, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nguyên đơn trình bày, nhà được xây đổi diện nhà số 97C/22 đường Bung Ông Thoàn, tổ 9, khu phố 2, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức; giá trị hợp đồng là 792.000.000 đồng, phương thức thanh toán chia thành 09 đợt, còn lại 2% tương ứng số tiền 15.840.000 đồng bảo hành 01 năm (tính từ ngày thanh lý hợp đồng). Sau khi hết hạn bảo hành thì chủ đầu tư hoàn trả số tiền này cho bên nhà thầu.

Căn cứ Bảng chi phí thi công phần thô (không ngày tháng năm 2022, có chữ ký xác nhận của chủ đầu tư là ông Nguyễn Ngọc T), thể hiện số tiền chi phí thi công phần thô là 792.169.708 đồng;

Căn cứ 07 Biên bản v/v nhận thanh toán từ chủ đầu tư có chữ ký của ông Nguyễn Ngọc T, do Công ty C cung cấp, thể hiện số tiền ông T đã thanh toán cho Công ty C là 664.855.000 đồng;

Theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng số 03/HĐTC-2022 “*Nếu công trình đã đưa vào sử dụng quá 07 ngày mà bên A chưa ký Biên bản nghiệm thu thì coi như công trình đã nghiệm thu toàn bộ và hợp đồng đã được thanh lý. Bên B thực hiện điều khoản bảo hành 01 năm*”.

Theo tin nhắn Zalo ngày 11/9/2022 do Công ty C cung cấp thể hiện ông T phản ánh tình trạng nhà bị thấm nước, nhiều sai sót nên không ký xong hợp đồng, chứng minh ông T đã nhận nhà và đưa vào sử dụng. Do ông T đã sử dụng nhà nên dù ông T không ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành, thanh lý hợp đồng thì việc nghiệm thu công trình trong trường hợp này đã hoàn thành, ông T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 03/HĐTC-2022 cho Công ty C, số tiền còn nợ là 792.000.000 đồng – 664.855.000 đồng – 15.840.000 đồng = 111.305.000 đồng.

Căn cứ Điều 144 Luật xây dựng năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả số tiền 111.305.000 đồng cho nguyên đơn.

Đối với chi phí phát sinh thêm 19.200.000 đồng, xét thấy tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 2 Điều 244; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 144 Luật xây dựng năm 2014 ;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C số tiền 111.305.000 (một trăm mười một triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T thanh toán chi phí phát sinh thêm 19.200.000 (mười chín triệu hai trăm ngàn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp 5.565.250 (năm triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho Công ty TNHH thương mại Thiết kế xây dựng C số tiền 3.450.000 (ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2021/0028807 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu